

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 25/2020/KDTM-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 28/9/2020

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM, ngày 23 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19/8/2020 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2020/QĐST-KDTM ngày 11/9/2020**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Trụ sở: Tòa nhà C, số 57 phố D, phường E, quận F, Thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Hoài M;

Theo văn bản ủy quyền số 365/2019/GUQ-TPB.LC ngày 20/8/2019;

2. Bị đơn: Công ty B;

Trụ sở: Số 2273A/18 đường G, Phường H, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Tuấn N; Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 2273A/18 đường Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019 và ngày 17/3/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng A có ông Đỗ Hoài M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/12/2016, Ngân hàng A – Chi nhánh Sài Gòn ký Hợp đồng cho vay số: 349/2016/HĐTD/SGN/01 với Công ty B. Theo đó, Ngân hàng A đồng ý cấp cho với Công ty B số tiền là: 500.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua ô tô; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân của Ngân hàng A;

Ngày 17/9/2017, Ngân hàng A – Chi nhánh Sài Gòn ký Hợp đồng cho vay số: 482/2017/HĐTD/SGN/01 với Công ty B. Theo đó, Ngân hàng A đồng ý cấp cho với Công ty B số tiền là: 390.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua ô tô; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất theo quy định tại thời điểm giải ngân của Ngân hàng A.

Thực hiện hợp đồng này, Công ty B đã ký các Khế ước nhận nợ sau:

+ KUNN số 482/2017/GNN/SGN/01 ngày 14/9/2017 với số tiền là 390.000.000 đồng;

+ KUNN số 349/2016/GNN/SGN/01 ngày 19/12/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng;

Ngày 19/12/2016, Công ty B đã ký Hợp đồng thế chấp số: 349/2016/HDBD/SGN/01 với Ngân hàng A. Theo hợp đồng thế chấp này, Công ty B đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng A: Xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER; Màu đen; Biển số 51D – 081.26.

Ngày 14/9/2017, Công ty B đã ký Hợp đồng thế chấp số: 482/2017/HDBD/SGN/01 với Ngân hàng A. Theo hợp đồng thế chấp này, Công ty B đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng A: Xe ô tô nhãn hiệu VEAM; Màu trắng; Biển số 51D – 177.20

Sau khi giải ngân và đến kỳ hạn trả nợ, Công ty B đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký mặc dù Ngân hàng A nhiều lần đôn đốc yêu cầu trả nợ.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, Ngân hàng A khởi kiện Công ty B đề yêu cầu:

1. Buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền (Tính đến ngày 28/9/2020) là: **802.132.910 đồng, trong đó nợ gốc là: 625.833.340 đồng, nợ lãi là: 176.299.570 đồng;**

2. Buộc Công ty B thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 349/2016/HĐTD/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng cho vay số: 482/2017/HĐTD/SGN/01 ngày 17/9/2017 với Ngân hàng A, được ký giữa Ngân hàng A và Công ty B kể từ sau ngày 28/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

3. Trường hợp, Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng A, cụ thể tài sản đảm bảo là:

+ Xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER; Màu đen; Biển số 51D – 081.26.

+ Xe ô tô nhãn hiệu VEAM; Màu trắng; Biển số 51D – 177.20.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ Công ty B tại Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phôi thép B cũng như đại diện theo pháp luật đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đại diện bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ Hoài M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phôi thép B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng A khởi kiện Công ty B yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Hiện nay, bị đơn – Công ty B có đăng ký trụ sở tại Quận 8 (Theo Công văn 6099/ĐKKD-THKT của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/8/2020 trên cơ sở Công văn xác minh thông tin doanh nghiệp số 502/TAQ8 ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 8), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Ngân hàng A có ông Đỗ Hoài M là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông M.

Bị đơn – Công ty B, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Hợp đồng tín dụng số 349/2016/HDT/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số 482/2017/HĐTD/SGN/01 ngày 14/9/2017 được ký kết giữa Ngân hàng A với Công ty B là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Công ty B đã nhận đủ số tiền vay và ký khế ước nhận nợ số: 349/2016/GNN/SGN/01 ngày 19/12/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng và kế ước nhận nợ số 482/2017/GNN/SGN/01 ngày 14/9/2017 với số tiền là

390.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định pháp luật và thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 28/9/2020, Công ty B còn nợ Ngân hàng A số tiền là: **802.132.910** đồng, trong đó nợ gốc: 625.833.340 đồng; Nợ lãi: **176.299.570** đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Hợp đồng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger (Màu đen; Biển số 51D-081.26, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 234409 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2016) số: 349/2016/HDBD/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Veam (Màu trắng; Biển số 51D-177.20, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304966 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2017) số: 482/2017/HDBD/SGN/01 được ký kết giữa Công ty B và Ngân hàng A là do sự tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và các **Hợp đồng này được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký, giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh** ngày 14/9/2017 theo đúng quy định pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực.

Sau khi ký kết các hợp đồng với Ngân hàng, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, trường hợp bị đơn không thanh toán dứt điểm toàn bộ nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền đề nghị phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe số: 349/2017/HDBD/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng thế chấp xe số 482/2017/HDBD/SGN/01 ngày 14/9/2017 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không cử đại diện đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty B phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm Công ty B phải chịu là: **20.000.000 đồng + ((802.132.910 đồng – 400.000.000 đồng) x 4%) = 36.085.316 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng);**

- Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Điều 280, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Điều 300, 301, 302, 306, 317 và 319 Luật thương mại số 36/2005/QH11;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;
- Điều 9, 10, 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn – Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2020 là **802.132.910đ (Tám trăm linh hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn chín trăm mười đồng)**, trong đó: Nợ gốc: 625.833.340đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng); **Nợ lãi: 176.299.570đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi đồng)**, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả và lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 349/2016/HDTD/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số

482/2017/HĐTD/SGN/01 ngày 17/9/2017 được ký kết giữa Ngân hàng A với Công ty B kể từ sau ngày 28/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty B không thanh toán được nợ cho Ngân hàng A thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty B là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger; Màu đen; Biển kiểm soát 51D-081.26, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 234409 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2016) số: 349/2016/HĐBD/SGN/01 ngày 19/12/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Veam (Màu trắng; Biển số 51D-177.20, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304966 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2017) số : 482/2017/HĐBD/SGN/01 để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại tài sản đảm bảo thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng A thu nợ còn thừa, Ngân hàng A sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng A thu nợ còn thiếu thì Công ty B phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 36.085.316đ (Ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng) nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.986.000đ (Mười sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0043799 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính